

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

LÝ LỊCH KHOA HỌC

(Dành cho ứng viên/thành viên các Hội đồng Giáo sư)



1. Thông tin chung

- Họ và tên: LÊ MINH QUÝ.
- Năm sinh: 1973.
- Giới tính: Nam.
- Trình độ đào tạo (TS, TSKH) (năm, nơi cấp bằng): TS năm 2004, Trường Đại học quốc gia Kyungpook, Hàn Quốc.
- Chức danh Giáo sư hoặc Phó giáo sư (năm, nơi bổ nhiệm): Giáo sư tháng 12 năm 2019, Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội bổ nhiệm tháng 1 năm 2020.

- Ngành, chuyên ngành khoa học: **Cơ học.**

- Chức vụ và đơn vị công tác hiện tại: Giảng viên cao cấp, trưởng nhóm chuyên môn Cơ học vật liệu và kết cấu, Khoa Cơ điện tử, Trường Cơ khí, Đại học Bách Khoa Hà Nội.

- Chức vụ cao nhất đã qua: .

- Thành viên Hội đồng Giáo sư cơ sở (nếu có) (năm tham gia, tên hội đồng, cơ sở đào tạo): năm 2020, hội đồng Cơ học, Cơ khí, cơ khí động lực, trường ĐH Bách khoa Hà Nội.

- Thành viên Hội đồng Giáo sư ngành (nếu có) (năm tham gia, tên hội đồng, nhiệm kỳ):

- Thành viên Hội đồng Giáo sư nhà nước (nếu có) (năm tham gia, tên hội đồng, nhiệm kỳ):

2. Thành tích hoạt động đào tạo và nghiên cứu (thuộc chuyên ngành đang hoạt động)

2.1. Sách chuyên khảo, giáo trình

a) Tổng số sách đã chủ biên: 01 sách chuyên khảo; 00 giáo trình.

b) Danh mục sách chuyên khảo, giáo trình trong 05 năm liền kề với thời điểm được bổ nhiệm thành viên Hội đồng gần đây nhất (tên tác giả, tên sách, nhà xuất bản, năm xuất bản, mã số ISBN, chỉ số trích dẫn).

2.2. Các bài báo khoa học được công bố trên các tạp chí khoa học

a) Tổng số đã công bố: 04 bài báo tạp chí trong nước; **43 bài báo thuộc danh mục web of science.**

b) Danh mục bài báo khoa học công bố trong 05 năm liền kề với thời điểm được bổ nhiệm thành viên Hội đồng gần đây nhất (tên tác giả, tên công trình, tên tạp chí, năm công bố, chỉ số IF và chỉ số trích dẫn - nếu có):

*Danh mục bài báo khoa học công bố trong 05 năm gần đây thuộc danh mục **web of science***

1. Van-Trang Nguyen and Minh-Quy Le*. *Compressive buckling of black phosphorene nanotubes: An atomistic study*. **Materials Research Express** 5 (4) (2018) 045024; <https://doi.org/10.1088/2053-1591/aaba53>
2. Minh-Quy Le. *Reactive molecular dynamics simulations of the mechanical properties of various phosphorene allotropes*. **Nanotechnology** 29 (19) (2018) 195701; <https://doi.org/10.1088/1361-6528/aaaacf>
3. Huu-Tu Nguyen, Minh-Quy Le* and Van-Trang Nguyen. *Mode-I stress intensity factors of silicene, AlN, and SiC hexagonal sheets*. **Materials Research Express** 5 (6) (2018) 065025; <https://doi.org/10.1088/2053-1591/aac807> .
4. Minh-Quy Le. *Fracture of monolayer germanene: A molecular dynamics study*. **International Journal of Modern Physics B** 32 (22) (2018) 1850241; September <https://doi.org/10.1142/S0217979218502417> .
5. Van-Trang Nguyen, Danh-Truong Nguyen and Minh-Quy Le*. *Bending of boron nitride*

- nanotubes: An atomistic study. Mechanics of Advanced Materials and Structures* 26 (16) (2019) 1357-1364; <https://doi.org/10.1080/15376494.2018.1432801> .
6. Van-Hieu Dang, Dong-Anh Nguyen, Minh-Quy Le*, The-Hung Duong. *Nonlinear vibration of nanobeams under electrostatic force based on the nonlocal strain gradient theory. International Journal of Mechanics and Materials in Design* 16 (2) (2020) 289–308 <https://doi.org/10.1007/s10999-019-09468-8> .
 7. Van-Hieu Dang, Dong-Anh Nguyen, Minh-Quy Le, Quang-Hai Ninh. *Nonlinear vibration of microbeams based on the nonlinear elastic foundation using the equivalent linearization method with a weighted averaging. Archive of Applied Mechanics* 90 (1) (2020) 87–106; <https://doi.org/10.1007/s00419-019-01599-w> .
 8. Minh-Quy Le*, Huu-Tu Nguyen, Thanh-Lam Bui. *A computational comparative study of the lithium diffusion in amorphous silicon spheres, rods and circular disks. Journal of Electrochemical Energy Conversion and Storage - Transactions of the ASME* 18 (1) (2021) 011010 (13 pages); IF=1,845; <https://doi.org/10.1115/1.4046932>
 9. Minh-Quy Le*, Huu-Tu Nguyen, Thanh-Lam Bui. *Fracture of 28 buckled two-dimensional hexagonal sheets. Mechanics of Advanced Materials and Structures* 29 (26) (2022) 4993–5005; IF=4.03; <https://doi.org/10.1080/15376494.2021.1945172>
 10. Minh-Quy Le, *Fracture and strength of single-atom-thick hexagonal materials, Computational Materials Science* 201 (2022, IF=3.3) 110854; <https://doi.org/10.1016/j.commatsci.2021.110854>
 11. Minh-Quy Le and Romesh C. Batra, *Fracture toughness of single layer boronitrene sheet using MD simulations, Computational Materials Science* 203 (2022) 111150; <https://doi.org/10.1016/j.commatsci.2021.111150>
 12. Minh-Quy Le, *Molecular dynamics study of the fracture of single layer buckled silicon monosulfide and germanium selenide, Archives of Mechanics* 74 (1) (2022) 3–12; <https://doi.org/10.24423/aom.3871>
 13. Minh-Quy Le, *Mode-I stress intensity factor by peridynamic stresses, Theoretical and Applied Fracture Mechanics* 123 (2023) 103721; <https://doi.org/10.1016/j.tafmec.2022.103721>
 14. Q.-C. Do, G.-P. Bui, M.-Q. Le, and V.-H. Dang, *Mechanical Buckling of Functionally Graded Cylindrical Nanopanel: A Nonlocal Strain Gradient Approach, Strength of Materials* 54 (6) (2022) 1102-1121 <https://doi.org/10.1007/s11223-023-00485-9>
 15. Minh-Quy Le, *Mode-I J-integral via peridynamic stresses, International Journal of Fracture* (2023) <https://doi.org/10.1007/s10704-023-00691-1>

- Trong nước:

- Quốc tế:

2.3. Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ (chương trình và đề tài tương đương cấp Bộ trở lên)

a) Tổng số chương trình, đề tài đã chủ trì/chủ nhiệm:

Chủ nhiệm **05** đề tài NAFOSTED đã nghiệm thu đạt.

b) Danh mục đề tài tham gia đã được nghiệm thu trong 05 năm liền kề với thời điểm được bổ nhiệm thành viên Hội đồng gần đây nhất (*tên đề tài, mã số, thời gian thực hiện, cấp quản lý đề tài, trách nhiệm tham gia trong đề tài*):

2.4. Công trình khoa học khác (nếu có)

a) Tổng số công trình khoa học khác:

- Tổng số có: sáng chế, giải pháp hữu ích

- Tổng số có: tác phẩm nghệ thuật

- Tổng số có: thành tích huấn luyện, thi đấu

b) Danh mục bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích, tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu trong 5 năm trở lại đây (*tên tác giả, tên công trình, số hiệu văn bằng, tên cơ quan cấp*):

2.5. Hướng dẫn nghiên cứu sinh (NCS) đã có quyết định cấp bằng tiến sĩ

a) Tổng số: hướng dẫn chính 04 NCS đã được cấp bằng TS.

b) Danh sách NCS hướng dẫn thành công trong 05 năm liền kề với thời điểm được bổ nhiệm thành viên Hội đồng gần đây nhất (*Họ và tên NCS, đề tài luận án, cơ sở đào tạo, năm bảo vệ thành công*,

vai trò hướng dẫn):

3. Các thông tin khác

3.1. Danh mục các công trình khoa học chính trong cả quá trình (Bài báo khoa học, sách chuyên khảo, giáo trình, sáng chế, giải pháp hữu ích, tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu...; khi liệt kê công trình, có thể thêm chú dẫn về phân loại tạp chí, thông tin trích dẫn...):

3.2. Giải thưởng về nghiên cứu khoa học trong và ngoài nước (nếu có):

3.3. Các thông tin về chỉ số định danh ORCID, hồ sơ Google scholar, H-index, số lượt trích dẫn (nếu có):

<https://scholar.google.com/citations?user=9LeIjywAAAAJ&hl=en>

h-index=18, ~848 trích dẫn, tính đến 10/4/2022.

3.4. Ngoại ngữ

- Ngoại ngữ thành thạo phục vụ công tác chuyên môn: tiếng Anh.

- Mức độ giao tiếp bằng tiếng Anh: thành thạo trong chuyên môn, tốt trong giao tiếp xã hội.

Tôi xin cam đoan những điều khai trên là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 10 tháng 04 năm 2022

NGƯỜI KHAI

(Ký và ghi rõ họ tên)



Lê Minh Quý